

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

Số: 03/2023/QĐCNTTLH

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Gò Công Tây, ngày 09 tháng 01 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC
BÊN THAM GIA HÒA GIẢI TẠI TÒA ÁN**

Căn cứ các điều 32, 33, 34 và 35 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ điều 55, 57, 58 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của chị Ngô Thùy T và anh Dương Phát T.

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 11 năm 2022 về việc yêu cầu ly hôn của chị Ngô Thùy T.

- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 22 tháng 12 năm 2022 về thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải sau đây:

- *Người khởi kiện:* Chị Ngô Thùy T, sinh năm 1976;

Hộ khẩu thường trú: Tổ 20, ấp I, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Chỗ ở: 02.08(TTB 02.08B) chung cư Lê Thành, đường Hồ Văn Long, tổ dân phố 104, khu phố 2, phường T, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người bị kiện:* Anh Dương Phát T, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Ấp K, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do Tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 22 tháng 12 năm 2022 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 22 tháng 12 năm 2022, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thùy T và anh Dương Phát T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Dương Thùy Mỹ N, sinh ngày 12/01/2012 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Dương Phát T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Dương Thùy Mỹ N hàng tháng; mức cấp dưỡng mỗi tháng bằng $\frac{1}{2}$ mức lương tối thiểu do nhà nước quy định (thời điểm giải quyết tương đương 745.000 đồng/tháng), thời gian thực hiện từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện thì phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Chị T cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

- Về các vấn đề khác: Không có.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các bên tham gia hòa giải;
- VKSND cùng cấp;
- THADS cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu TA.

THẨM PHÁN

Lê Thị Tám